

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2019/DS-PT**

Ngày: 24-4-2019

V/v: “*Tranh chấp đòi di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Tuyền**

Các Thẩm phán: Bà **Phan Thị Thu Hương**

Bà **Phạm Thị Xuân Đào**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Quốc Bình** – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà **Lê Hồng Thu**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp đòi di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/DSST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Tuyết N**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: T, tổ H, ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Đoàn Thế D**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ H, ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Lê Hồng H** - luật sư thuộc văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Phạm Kim T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: T, Tổ H, ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng H1**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số H, đường B Khu dân cư B, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2019).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Trần Thị D1**, sinh năm 1950.
2. Anh **Phạm Hồng T2**, sinh năm 1980.
3. Anh **Phạm Thế V**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: T, Tổ H, ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bà D1, anh V, anh T2 ủy quyền cho: Ông **Nguyễn Hoàng H1**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số H, đường B Khu dân cư B, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2019).

4. Văn phòng công chứng A.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T3**.

5. Ủy ban nhân dân xã P, huyện L.

Địa chỉ: xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng T2.

(Anh D, ông H, Luật sư có mặt tại phiên tòa, Văn phòng công chứng có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Đoàn Thế D trình bày:*

Bà Phạm Thị Tuyết N chung sống với ông Phạm Văn M vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà N và ông M có 01 con chung là cháu Phạm Huỳnh Kim N1, sinh ngày 20/12/2010.

Trước khi chung sống với bà N, ông M có chung sống với bà Trần Thị D1 cũng không có đăng ký kết hôn.

Ngày 04/03/2011, ông Phạm Văn M có làm văn bản thỏa thuận phân chia tài sản với bà Trần Thị D1 và được UBND xã P chứng thực chữ ký vào ngày 07/03/2011, chứng thực số 09/2011, quyền 01/2011. Theo nội dung văn bản thỏa thuận thì bà Trần Thị D1 được toàn quyền định đoạt, mua bán, cho nhượng đất các thửa 94, 95, 96, 97, 98, 99 tờ bản đồ 10 xã P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 478411 diện tích 2753m², mục đích sử dụng ĐM, còn ông Phạm Văn M được toàn quyền định đoạt, chuyển nhượng, tặng cho thửa 100, 101 tờ bản đồ 10 xã P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 478411 diện tích 3222m², mục đích sử dụng là ONT+CND+Q.

Vào ngày 26/7/2012, tại phòng công chứng A, ông Phạm Văn M có lập di chúc để lại cho con gái là Phạm Huỳnh Kim N1, sinh ngày 20/12/2010 tài sản là phần đất diện tích 2.576 m² thuộc thửa 100, 101 tờ bản đồ số 10 xã P, huyện L và đã được Văn phòng công chứng A công chứng số: 3754/2012 quyền số 09/2012 TP/CC-SCC/HNGĐ.

Trước và sau khi lập di chúc, bà N và cháu N1 ở cùng với ông M trên phần đất mà ông M để lại di chúc cho cháu N1. Ngày 13/09/2012, ông M chết. Sau khi ông M chết, bà D1 cùng anh Phạm Kim T (là con chung của ông Phạm Văn M và bà Trần Thị D1) đến ở phần đất mà ông M để lại di chúc cho cháu N1 và cho rằng đây là tài sản của bà D1 nên không cho bà N và cháu N1 ở. Từ đó đến nay, anh T quản lý sử dụng phần diện tích đất này. Bà N đã nhiều lần yêu cầu anh T và bà D1 trả lại phần đất này cho bà N và cháu N1 bởi vì phần đất này ông M đã để lại di chúc cho cháu N1 nhưng anh T và bà D1 không trả. Nên ngày 18/01/2016 bà Phạm Thị Tuyết N khởi kiện ra Tòa án.

Nay bà N khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết công nhận di chúc lập ngày 26/7/2012 tại phòng công chứng A theo số công chứng 3754/2012 quyển số 09/2012 TP/CC-SCC/HNGĐ, buộc anh Phạm Kim T phải giao phần tài sản là diện tích đất 2.576 m² tại thửa 100, 101 tờ bản đồ số 10 xã P và các tài sản trên đất cho bà Phạm Thị Tuyết N là đại diện hợp pháp cho cháu Phạm Huỳnh Kim N1 quản lý sử dụng. Hiện nay, trên phần đất này có 03 căn nhà nhưng bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong nội dung di chúc có để lại các tài sản khác là cây kiểng gồm mai: 40 cây, kim quýt: 3 cây, lộc vùng: 5 cây, Tha la: 25 cây, cọ dầu: 70 cây nhưng bà N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Bị đơn anh Phạm Kim T trình bày:

Anh là con của ông Phạm Văn M và bà Trần Thị D1. Cha mẹ anh có 03 người con gồm Phạm Kim T, sinh năm 1978, Phạm Hồng T2 và Phạm Thế V, cùng sinh năm 1980.

Trong thời gian chung sống thì ông M và bà D1 có tạo dựng được một mảnh đất tại địa chỉ T, ấp C, xã P, huyện L. Đến năm 1998, thì anh phát hiện ông M có quan hệ bất chính với bà Phạm Thị Tuyết N tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang và đã cùng Công an phường 4, thành phố M bắt quả tang (bà N có làm cam kết tại công an phường là sẽ không quan hệ với ông M dưới mọi hình thức). Tuy nhiên, sau đó, khi ông M về ở tại xã P thì bà N vẫn tiếp tục lén lút quan hệ với ông M.

Vào ngày 04/3/2011, ông Phạm Văn M và bà Trần Thị D1 có lập Giấy thỏa thuận phân chia tài sản tại UBND xã P. Theo giấy thỏa thuận phân chia tài sản thì ông M được toàn quyền định đoạt, chuyển nhượng, tặng cho thửa đất số 100, 101 tờ bản đồ số 10 xã P, huyện L. Còn bà D1 được toàn quyền định đoạt, mua bán, cho nhượng thửa đất số 94, 95, 96, 97, 98, 99 tờ bản đồ số 10 xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, giấy thỏa thuận này là không hợp pháp, bởi vì tài sản ghi trong giấy thỏa thuận này nằm ở 3 nơi. Một tài sản ở tỉnh Tiền Giang, một tài sản ở thành phố Hồ Chí Minh và một tài sản ở huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do vậy, UBND xã P không có quyền xác nhận về việc phân chia tài sản này. Mặt khác, thời điểm ký giấy thỏa thuận phân chia tài sản này, bà D1 đang nằm bệnh viện do bị tai nạn giao thông, ông M có lên đưa cho mẹ anh ký vào một số giấy tờ và nói là để làm hợp đồng mua điện chứ không nói là ký thỏa thuận phân chia tài sản nên mẹ anh mới ký. Việc mẹ anh không có mặt tại UBND xã P để ký nhưng UBND xã P lại xác nhận chữ ký vào giấy thỏa thuận phân chia tài sản là không đúng.

Về di chúc lập ngày 26/7/2012 tại phòng công chứng A, anh T cho rằng di

chức này là không có hiệu lực, bởi vì theo di chúc này ghi di chúc được lập tại phòng công chứng. Tuy nhiên, trước thời điểm này, vào ngày 26/6/2012, ông M đang điều trị mổ khối u đại tràng tại bệnh viện 115. Sau đó được khoảng 4 ngày thì bà N tự ý lên làm thủ tục xuất viện. Theo bệnh án của bệnh viện thể hiện, bệnh của ông M có tiên lượng xấu, có các biểu hiện sốt cao mê sảng, vết mổ hở chưa khô. Khi đưa ông M về điều trị, bà N không cho ông M uống thuốc mà sử dụng cách chữa bệnh theo phương pháp mê tín dị đoan.

Chính vì vậy trong di chúc cho rằng được lập tại phòng công chứng là không đúng, bởi vì thời điểm này ông M không thể đi lại được. Mặc khác, lúc lập di chúc thì ông Phạm Văn Mai không tỉnh táo nên không đủ điều kiện lập di chúc theo quy định của pháp luật.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L chia thừa kế theo di chúc lập ngày 26/7/2012 tại phòng công chứng A theo số công chứng 3754/2012 quyền số 09/2012 TP/CC-SCC/HNGĐ và yêu cầu anh phải giao phần tài sản là diện tích đất 2.576 m² tại thửa 100, 101 tờ bản đồ số 10 xã P cho bà N là người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Huỳnh Kim N1 thì anh không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D1 trình bày:

Bà là vợ của ông Phạm Văn M, ông bà chung sống với nhau từ năm 1978 nhưng không có đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là bận rộn công việc làm ăn là buôn bán cây kiểng. Ông bà có 3 người con là Phạm Kim T, sinh năm 1978, Phạm Hồng T2 và Phạm Thế V, cùng sinh năm 1980.

Năm 1996, ông bà có mua 01 lô đất diện tích khoảng 6000m² tọa lạc lại ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do bà bận bán cây kiểng nên ông M là người thường xuyên về khu đất ở P để trông coi, xây nhà và làm hàng rào. Trong khoảng thời gian này, bà phát hiện ông M có quan hệ bất chính với bà Phạm Thị Tuyết N. Dù bà và các con có nhiều biện pháp can ngăn nhưng ông M và bà N vẫn quan hệ qua lại với nhau.

Từ năm 2009 đến năm 2012, ông M bị bệnh về đại tràng. Mặc dù bà và các con đã đưa đi chữa trị nhưng không qua khỏi và mất ngày 13/09/2012.

Vào năm 2011, ông M có làm giấy thỏa thuận phân chia tài sản với bà tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Lúc đó, chỉ có bà ra UBND xã mà không có các con đi cùng. Bà không biết ông M chia cho bà nằm phía sau mảnh đất tại địa chỉ số T, ấp C, xã P mà hiện nay đang tranh chấp. Ông M chỉ cho bà phần đất chia cho bà là phần đất chia từ trên xuống.

Trong lúc ông M sắp chết, tinh thần không minh mẫn, đã làm giấy di chúc cho người con của vợ sau là Phạm Huỳnh Kim N1 mảnh đất mặt tiền số T, ấp C, xã P. Tờ di chúc lập ngày 26/07/2012 nhưng không có sự chứng kiến của bà và các con bà.

Nay bà không chấp nhận giấy thỏa thuận phân chia tài sản giữa bà và ông Phạm Văn M lập ngày 04/03/2011 tại UBND xã P, không đồng ý tờ di chúc của ông M lập ngày 26/07/2012 tại Phòng công chứng A về chia tài sản cho đứa con vợ sau là cháu Phạm Huỳnh Kim N1, sinh năm 2011 đối với mảnh đất mặt tiền số T, ấp C, xã P.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thế V trình bày:

Anh không đồng ý giấy thỏa thuận chia tài sản của ba anh là ông Phạm Văn M và mẹ anh là bà Trần Thị D1.

Anh không đồng ý bản di chúc của ba anh là ông Phạm Văn M cho con người vợ sau là cháu Phạm Huỳnh Kim N1, sinh năm 2011 với lý do là ba anh không minh mẫn sáng suốt và không có sự đồng ý của gia đình và các con.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Phạm Kim T và của các người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thế V, bà Trần Thị D1 là anh Phạm Hồng T2 trình bày:

Ông Phạm Văn M và bà Trần Thị D1 có 03 người con gồm Phạm Kim T, sinh năm 1978, Phạm Hồng T2 và Phạm Thế V, cùng sinh năm 1980.

Ngày 08/10/1996, ông M và bà D1 có bỏ tiền mua được một mảnh đất khoảng 5000m² loại đất thổ cư và đất màu.

Từ năm 1998, ông M có quan hệ bất chính với bà Phạm Thị Tuyết N. Mặc dù gia đình đã ngăn cản nhưng ông M và bà N vẫn tiếp tục lén lút quan hệ với nhau tại mảnh đất mà ông M và bà D1 đã mua.

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Lê Thị Mười bán cho bà Võ Thị Lựu. Bà Lựu bán cho ông M và bà D1.

Vào năm 2011, ông Phạm Văn M có lập giấy thỏa thuận phân chia tài sản với bà Trần Thị D1 tại UBND xã P. Bởi vì bà D1 không biết lô đất mà ông M chia cho mình ở đâu và lại không có các con đi cùng nên bà D1 đinh ninh mảnh đất ông M chia làm đôi từ trên xuống. Nếu bà D1 biết ông M chia đất cho bà nữa phần phía sau thì bà D1 và các con đã không đồng ý sự phân chia tài sản đó.

Ngày 27/08/2012, ông Phạm Văn M bị bệnh đại tràng nhiều năm phải điều trị tại bệnh viện T. Trong thời gian này, bà D1 và các con phải chạy tiền chữa trị cho ông M và ông M xuất viện ngày 10/09/2012.

Sau khi xuất viện, ông M về ở tại số T, ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, ông M có làm giấy di chúc thừa đất 2.576m² mặt tiền đường cho con của vợ sau là cháu Phạm Huỳnh Kim N1, sinh năm 2011 mà không có sự chứng kiến của gia đình bà D1, bản thân ông M làm di chúc khi lâm trọng bệnh (gần chết). Ngày 26/07/2012, trong quá trình làm giấy di chúc, ông M không sáng suốt, không có giấy khám đảm bảo đủ sức khỏe.

Ngày 13/09/2012, ông M chết do ung thư đại tràng di căn ổ bụng tại Tiền Giang.

Anh không đồng ý tờ di chúc mà ông M chia cho người con sau là Phạm Huỳnh Kim N1. Bản thân các người con trước của ông M không được ông chia cho tài sản theo hàng thừa kế thứ nhất. Anh đòi hỏi một phần tài sản tại mảnh đất số T, ấp C, xã P mà ông M để lại.

Anh không đồng ý tờ thỏa thuận phân chia tài sản của ông M cho bà D1 vì mảnh đất chia cho bà D1 nằm ở phía sau mảnh đất tranh chấp.

Ngày 19/03/2018, anh có có nộp cho Tòa án đơn yêu cầu độc lập đề ngày 04/03/2018. Theo nội dung đơn thì anh yêu cầu:

- Yêu cầu hủy Giấy thỏa thuận phân chia tài sản do ông Phạm Văn M và bà Trần Thị D1 lập ngày 04/3/2011, chứng thực chữ ký tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Yêu cầu hủy Di chúc số 3754/2012, quyền số 09/2012TP/CC-SCC/HĐGD do ông Phạm Văn M lập ngày 26/7/2012 tại Văn phòng công chứng A, Quốc lộ 51, ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Phạm Văn M (chết năm 2012) để lại là diện tích đất 2.576m² thuộc thửa 100, thửa 101 tờ bản đồ số 10, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai với giá trị tài sản được thẩm định theo chứng thư thẩm định giá số 2945/TĐG-CT ngày 30/11/2016 cho các đồng thừa kế gồm bà Trần Thị D1, anh Phạm Kim T, anh Phạm Thế V, cháu Phạm Huỳnh Kim N1 và anh là Phạm Hồng T2 theo quy định của pháp luật, mỗi người 1 phần bằng nhau tạm tính mỗi phần là 394.120.000 đồng (theo giá trị chứng thư 2954/TĐG-CT ngày 30/11/2016 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đ), anh T2 được hưởng 1 phần là 394.120.000 đồng.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng A do ông Nguyễn Văn T3 là đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 26/07/2012, Văn phòng công chứng A có nhận được yêu cầu công chứng di chúc của ông Phạm Văn M. Văn phòng công chứng A đã yêu cầu ông M cung cấp bổ sung chứng minh nhân dân, hộ khẩu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất liên quan tới di chúc. Ông M có cung cấp thêm 01 tờ giấy thỏa thuận phân chia tài sản do UBND xã P xác nhận. Do Văn phòng công chứng A thấy ông M minh mẫn, sáng suốt nên không yêu cầu giấy khám sức khỏe của ông M. Cùng ngày, xét thấy hồ sơ yêu cầu công chứng đã đầy đủ, Văn phòng công chứng A do ông Nguyễn Văn T3 là công chứng viên đại diện xuống nhà của ông M để chứng kiến việc ký tên, điểm chỉ theo yêu cầu công chứng ngoài trụ sở của ông M (do ông M già và bệnh nên không đến Văn phòng công chứng để thực hiện việc công chứng). Ông có đọc văn bản di chúc trước mặt của ông M và hai người làm chứng do ông M mời. Sau đó, ông M có ký tên điểm chỉ vào di chúc. Khi hoàn tất thủ tục tại nhà của ông Phạm Văn M thì ông mang hồ sơ về và công chứng cho di chúc của ông Phạm Văn M.

Ông xác định là di chúc ngày 26/07/2012 của ông Phạm Văn M thể hiện đầy đủ ý chí và nguyện vọng của ông M và được Văn phòng công chứng A thực hiện công chứng theo đúng quy định của Luật công chứng và các văn bản pháp luật liên quan.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan UBND xã P trình bày:

Ngày 11/10/2017, UBND xã P có nhận được công văn số 1223/2017/CV-TA yêu cầu UBND xã P có ý kiến về quy trình xác nhận chữ ký của ông Phạm Văn M và bà Trần Thị D1 trong giấy thỏa thuận phân chia tài sản. Sau khi kiểm tra hồ sơ UBND xã P xác định: ông Phạm Văn M, sinh năm 1955 và bà Trần Thị D1, sinh năm 1950 có đến UBND xã P làm văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và được UBND xã chứng thực chữ ký số 09/2011, quyền số 01/2007 ngày 07/03/2011.

Căn cứ chương II mục 3, điều 17 Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 05 năm 2007, ông Phạm Văn M và bà Trần Thị D1 có đến UBND xã yêu cầu chứng thực chữ ký trong giấy thỏa thuận phân chia tài sản là đúng quy trình chứng thực chữ ký theo Nghị định 79/2007/NĐ-CP.

Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/DSST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ vào:

- Căn cứ nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Căn cứ Điều 29 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

- Căn cứ Điều 649, 652, 653, 654, 656, 657, 658, 661 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 35, 36, 39, 48 Luật công chứng 2006.

- Căn cứ Thông tư 11/2011/TT-BTP ngày 27/06/2011 của Bộ tư pháp về hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công chứng viên, tổ chức và hoạt động công chứng, quản lý nhà nước về công chứng.

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị Tuyết N đối với bị đơn-anh Phạm Kim T về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Công nhận di chúc của ông Phạm Văn M được Văn phòng công chứng A công chứng số: 3754/2012 quyển số 09/2012TP/CC-SCC/HNGĐ vào ngày 26/07/2012.

Buộc anh Phạm Kim T phải trả lại diện tích đất 2538m² thuộc thửa 50b tờ bản đồ 33 xã P được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 13146/2016 ngày 17/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai-chi nhánh L cho đại diện hợp pháp của cháu Phạm Huỳnh Kim N1 là bà Phạm Thị Tuyết N được quản lý, sử dụng.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng T2 về việc chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

Anh Phạm Hồng T2 có quyền khởi kiện lại yêu cầu độc lập theo quy định của pháp luật.

Đối với 03 ngôi nhà trên đất và các tài sản khác là cây kiểng gồm mai: 40 cây, kim quýt: 3 cây, lộc vùng: 5 cây, tha la: 25 cây, cọ dầu: 70 cây nhưng các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia số tài sản này bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2. *Về án phí:* Bị đơn anh Phạm Kim T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch và 101.952.320 đồng án phí dân sự có giá ngạch, tổng cộng là 102.152.320 đồng.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền 9.853.000 đồng tạm ứng án phí yêu cầu độc lập do anh Phạm Hồng T2 đã nộp theo biên lai số 002012 ngày 23/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Tuyết N số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 006410 ngày 28/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn-anh Phạm Kim T phải chịu 29.500.000 đồng. Số tiền này bà Phạm Thị Tuyết N đã nộp nên anh T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà N.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan- anh Phạm Hồng T2 chịu 200.000 đồng chi phí thu thập chứng cứ.

* Ngày 23/11/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L và trả hồ sơ xét xử lại từ đầu.

* Quan điểm của Luật sư tham gia phiên tòa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX ghi nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Phát biểu của Đại diện VKS tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Đối với việc đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền nghĩa vụ liên quan cấp sơ thẩm thụ lý sai nên đề nghị HĐXX hủy quyết định của án sơ thẩm phần đình chỉ này, hoàn trả lại án phí cho đương sự.

Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm theo các nội dung trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng T2 làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng T2 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của anh do anh vắng mặt phiên tòa triệu tập lần thứ hai là không đúng vì lần thứ nhất anh có mặt. Lần thứ hai anh bận công việc gia đình đột xuất xét thấy: Việc anh T2 cho rằng bận việc gia đình đột xuất nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp bất khả kháng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập phiên tòa lần thứ hai anh T2 vắng mặt nên Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh là đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 BLTTDS. Luật cũng không quy định hoãn phiên tòa do đương sự vắng mặt phải là 15 ngày. Do đó, kháng cáo của anh T2 về phần này là không có cơ sở. Tuy nhiên, đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Phạm Hồng T2 xét thấy: Ngày 09/01/2018 Tòa án đã lập Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đến ngày 28/02/2018, Tòa án lại có thông báo yêu cầu anh Phạm Hồng T2 có đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế. Ngày 19/3/2018, Tòa án nhận được đơn yêu cầu độc lập của anh T2 ghi ngày 14/3/2018. Tòa án tiến hành thủ tục thụ lý và có Thông báo thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng T2 vào ngày 23/3/2018. Việc thụ lý yêu cầu khởi kiện độc lập sau khi đã tiến hành công khai chứng cứ là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 201 BLTTDS, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do vậy, phải hủy quyết định của bản án sơ thẩm tuyên đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Phạm Hồng T2 và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí anh T2 đã nộp.

[3] Đối với kháng cáo của anh T2 về nội dung giải quyết vụ án xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn có ý kiến thỏa thuận: Nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết N sẽ giao cho bà Trần Thị D1, anh Phạm Hồng T2, anh Phạm Thế V, anh Phạm Kim T số tiền 600.000.000đ, công nhận di chúc của ông Phạm Văn M được Văn phòng công chứng A công chứng số: 3754/2012 quyển số 09/2012TP/CC-SCC/HNGĐ vào ngày 26/07/2012 là hợp pháp, anh Phạm Kim T phải trả lại diện tích đất 2.538m² thuộc thửa 50b, tờ bản đồ số 33, xã P và 3 căn nhà gắn liền trên đất cho cháu Phạm Huỳnh Kim N1 do chị Nhung đại diện nhận.

[4] Đối với tài sản là các cây kiểng trên đất, các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

Anh T2 phải chịu 200.000đ án phí của nghĩa vụ giao trả tài sản.

Bà D1 tự nguyện chịu án phí DSST là 28.000.000đ và hoàn trả cho chị Nhung 29.500.000đ chi phí tố tụng mà chị Nhung đã nộp.

Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị ghi nhận.

Anh T2 không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 BLTTDS

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Hồng T2.

Sửa án sơ thẩm.

- Căn cứ các Điều 646, 647, 648, 649, 652, 653, 657, 658, 661, 667 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thỏa thuận của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết N đối với bị đơn anh Phạm Kim T về việc “Tranh chấp đòi di sản thừa kế” như sau:

Chị Nhung tự nguyện giao cho bà Trần Thị D1, anh Phạm Kim T, anh Phạm Hồng T2 và anh Phạm Thế V số tiền tổng cộng là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

Công nhận di chúc của ông Phạm Văn M lập được Văn phòng công chứng A công chứng số: 3754/2012 quyền số 09/2012TP/CC-SCC/HĐGD vào ngày 26/07/2012 có hiệu lực.

Anh Phạm Kim T phải giao trả lại diện tích đất 2.538m² thuộc thửa 50b, tờ bản đồ số 33, xã P (tức là thửa đất số 100 và 101 bản đồ số 10 cũ) giới hạn bởi các mốc (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1) theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 13147/2016 ngày 17/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh L và 03 căn nhà gắn liền diện tích đất trên (theo Chứng thư thẩm định giá số 2945/TĐG-CT ngày 30/11/2016 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đ) cho cháu Phạm Huỳnh Kim N1 được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản theo di chúc trên do người đại diện hợp pháp của cháu N1 là bà Phạm Thị Tuyết N nhận và quản lý.

Hủy quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng T2 về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Đôi các tài sản khác là cây kiểng gồm mai: 40 cây, kim quýt: 3 cây, lộc vừng: 5 cây, tha la: 25 cây, cọ dầu: 70 cây nhưng các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bị đơn anh Phạm Kim T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch.

Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà D1 để bà D1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí DSST là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

Anh T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả anh T2 số tiền 9.853.000 đồng (chín triệu tám trăm năm mươi ba ngàn đồng) tạm ứng án phí yêu cầu độc lập và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí kháng cáo do anh Phạm Hồng T2 đã nộp theo biên lai số 002012 ngày 23/03/2018 và số 006909 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Tuyết N số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đã nộp theo biên lai số 006410 ngày 28/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ý kiến tự nguyện của đại diện bà D1, bà D1 hoàn trả lại cho chị Nhung 29.500.000 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) chi phí tố tụng chị Nhung đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hồng Tuyền